

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP
API QUẢN LÝ THÔNG TIN LƯU TRÚ

10/02/2020 Ver 1.0



MỤC LỤC

I.	GIỚI THIỆU CHUNG	4
II.	MÔ TẢ KỸ THUẬT	4
1.	Luồng kết nối và xử lý.....	4
2.	Đặc tả Khai báo lưu trú khách lẻ	4
2.1	Đường dẫn: /api/v1/KhaiBaoLuuTruKhachLe	4
2.2	Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc khai báo khách lẻ từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.	4
2.3	Phương thức: POST.....	4
2.4	Tham số truyền vào: JSON	4
2.5	Ví dụ dữ liệu gửi tới QLTTLT	7
2.6	Ví dụ dữ liệu trả về	8
3.	Đặc tả Khai báo lưu trú khách đoàn	10
3.1	Đường dẫn: /api/v1/KhaiBaoLuuTruKhachDoan	10
3.2	Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc khai báo khách đoàn từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.	10

3.3 Phương thức: POST.....	10
3.4 Tham số truyền vào: JSON	10
3.5 Ví dụ dữ liệu gửi tới QLTTLT	13
3.6 Ví dụ dữ liệu trả về.....	14
4. Đặc tả Cập nhật phiếu đặt phòng.....	23
4.1 Đường dẫn: /api/v1/CapNhatPhieuDatPhong.....	23
4.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc cập nhật phiếu đặt phòng từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.	23
4.3 Phương thức: PUT.....	23
4.4 Tham số truyền vào: JSON	23
4.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTLT.....	26
4.6 Ví dụ dữ liệu trả về.....	28
5. Đặc tả Chuyển phòng	30
5.1 Đường dẫn: /api/v1/ChuyenPhong	30
5.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc chuyển phòng từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.	30
5.3 Phương thức: POST.....	30
5.4 Tham số truyền vào: JSON	30
5.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTLT.....	32
5.6 Ví dụ dữ liệu trả về.....	34
6. Đặc tả Xóa phiếu đặt phòng	36
6.1 Đường dẫn: /api/v1/XoaPhieuDatPhong/{maPhong}	36
6.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc xóa phiếu đặt phòng từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.	36
6.3 Phương thức: DELETE	36
6.4 Tham số truyền vào: String.....	37
7. Đặc tả Trả phòng khách lẻ	37
7.1 Đường dẫn: /api/v1/TraPhongKhachLe	37

7.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc trả phòng (checkout khách) từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.	37
7.3 Phương thức: POST.....	37
7.4 Tham số truyền vào: JSON	37
7.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTTLT	38
7.6 Ví dụ dữ liệu trả về	38
8. Đặc tả Trả phòng khách đoàn	39
8.1 Đường dẫn: /api/v1/TraPhongKhachLe	39
8.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc trả phòng theo đoàn (checkout khách đoàn) từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.	39
8.3 Phương thức: POST.....	39
8.4 Tham số truyền vào: JSON	39
8.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTTLT	40
8.6 Ví dụ dữ liệu trả về	40
III. THÔNG TIN TEST THỬ NGHIỆM VÀ THAM CHIẾU	41
1. Thông số môi trường test tích hợp	41
2. Bảng mã lỗi Response code (Status)	41
3. Các thuật ngữ viết tắt trong tài liệu	42

I. GIỚI THIỆU CHUNG

- Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc nhập các thông tin, trả phòng của khách lưu trú từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm QLTTLT.
- Đây là tài liệu mô tả phương thức tích hợp giữa ĐVCNTT và cổng kết nối API của QLTTLT.
- Các thông số trong tài liệu là tham số của môi trường thử nghiệm (Test).
- Cách 1: Sử dụng add-on Chrome là POSTMAN để gọi vào API để kiểm tra hoạt động:
https://chrome.google.com/webstore/detail/postman/fhbjgbfilinibdggehcddcbncddd_omop?hl=en
- Cách 2: Sử dụng công cụ Swagger tích hợp tại địa chỉ:
<http://dev.api.qlt.khanhhoa.vn/swagger/ui/index>

II. MÔ TẢ KỸ THUẬT

1. Luồng kết nối và xử lý

- **Bước 1: Gửi yêu cầu (Request):** ĐVCNTT gửi yêu cầu sang phần mềm QLTTLT theo giao thức riêng của từng API.
- **Bước 2: Nhận kết quả (Response):** Hệ thống QLTTLT xử lý và trả kết quả về cho ĐVCNTT. Kết quả trả về là nội dung theo format JSON.

Ghi chú:

- Khi kết nối các ĐVCNTT sẽ được cung cấp chuỗi **access token** được mã hóa riêng theo từng khách sạn kết nối.
- Thêm header: **Authorization** khi gửi request.

2. Đặc tả Khai báo lưu trú khách lẻ

2.1 Đường dẫn: [/api/v1/KhaiBaoLuuTruKhachLe](#)

2.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc khai báo khách lẻ từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

2.3 Phương thức: POST

2.4 Tham số truyền vào: JSON

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
2	ThongTinPhieu	M	Object	-	Thông tin phiếu đặt phòng.
2.1	NgayDen	M	String	50	Ngày khách đến tạo phiếu.
2.2	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày đi dự kiến của khách.
2.3	GiaPhongThucTe	O	Decimal	18	Giá phòng thực tế. Nếu không nhập sẽ lấy giá theo loại phòng trong hệ thống QLTTLT.
2.4	SoGiuongThucTe	O	Integer	-	Số giường thực tế khi thuê phòng. Nếu không nhập sẽ lấy theo loại giường trong hệ thống QLTTLT.
2.5	ThueTheoGio	M	Bool	1	Cho phép thuê theo giờ. Mặc định là “false”.
2.6	Ghichu	O	String	250	Ghi chú cho thông tin phiếu đặt phòng.
3	KhachHang	M	Object	-	Danh sách khách hàng.
3.1	Ho	M	String	25	Họ.
3.2	Ten	M	String	25	Tên.
3.3	SoGiayTo	M	String	15	Số giấy tờ của khách hàng.

3.4	LoaiGiayTo	M	Integer	15	Loại giấy tờ. Theo chuẩn của QLTTLT.
3.5	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của khách.
3.6	GioiTinh	M	String	10	Giới tính (Nam/ Nữ/ Khác).
3.7	LoaiKhach	M	Integer	15	Loại khách. Theo chuẩn của QLTTLT.
3.8	MaQuanHuyen	M	String	15	Mã quận huyện. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.9	MaPhuongXa	M	String	15	Mã phường xã. Bắt buộc nếu là khách trong nước
3.10	DiaChi	M	String	250	Địa chỉ khách hàng. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.11	MaQuocTich	M	String	15	Mã quốc tịch. Theo chuẩn quốc tế.
3.12	MaCuaKhau	M	String	15	Mã cửa khẩu. Theo chuẩn quốc tế. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.13	NgayNhapCanh	O	String	50	Ngày nhập cảnh. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.14	ThoiHanTamTru	O	String	50	Thời hạn lưu trú. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.15	LoaiThiThuc	M	Integer	15	Loại thị thực
3.16	SoThiThuc	M	String	15	Số thị thực
3.17	NgayGioDen	M	String	50	Ngày giờ đến
3.18	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày giờ đi dự kiến
3.19	TinhTrangLuuTru	M	Integer	1	Tình trạng lưu trú. [0: Không lưu trú, 1:

					Có lưu trú]. Mặc định là 1.
4	Treem	O	Object		Danh sách trẻ em đi cùng.
4.1	Ho	M	String	25	Họ
4.2	Ten	M	String	25	Tên
4.3	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của trẻ em.
4.4	GioiTinh	M	String	15	Giới tính. [Nam/ Nữ/ Khác]
4.5	LoaiKhach	M	String	15	Loại khách. Theo chuẩn của hệ thống QLTTTLT.
4.6	SoGiayToNguoiThan	M	String	15	Số giấy tờ người thân đi cùng.

Ghi chú:

- M: Mandatory (Bắt buộc)
- O: Optional (Không bắt buộc)
- **Trường hợp Status <> 000:** tham chiếu bảng mã trả lời để hiển thị kết quả.

2.5 Ví dụ dữ liệu gửi tới QLTTTLT

```
{
  "MaPhong": "A102",
  "ThongTinPhieu": {
    "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
    "GiaPhongThucTe": 1250000,
    "SoGiuongThucTe": 1,
    "ThueTheoGio": false,
    "GhiChu": "string"
  },
  "KhachHang": [
    {
      "Ho": "Nguyễn",
      "Ten": "Trường",
      "SoGiayTo": "3918213",
```

```

    "LoaiGiayTo": 1,
    "NgaySinh": "02/10/1997",
    "GioiTinh": "Nam",
    "LoaiKhach": 0,
    "MaQuanHuyen": "TH",
    "MaPhuongXa": "P1",
    "DiaChi": "string",
    "MaQuocTich": "190",
    "MaCuaKhau": "000",
    "NgayNhapCanh": "",
    "ThoiHanTamTru": "",
    "LoaiThiThuc": 1,
    "SoThiThuc": "string",
    "NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
    "TinhTrangLuuTru": 1
  }
],
"TreEm": [
  {
    "Ho": "Phùng",
    "Ten": "Quân",
    "NgaySinh": "12/10/2019",
    "GioiTinh": "Nam",
    "LoaiKhach": 0,
    "SoGiayToNguoiThan": "3918213"
  }
]
}

```

2.6 Ví dụ dữ liệu trả về

```

{
  "Status": "001",
  "Message": "success",

```



```
"Data": {
  "MaPhong": "A102",
  "MaDoan": "",
  "ThongTinPhieu": {
    "IDPhieu": 0,
    "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
    "GiaPhongThucTe": 1250000,
    "SoGiuongThucTe": 1,
    "ThueTheoGio": false,
    "GhiChu": "string"
  },
  "KhachHang": [
    {
      "Id": 4562812,
      "Ho": "Nguyễn",
      "Ten": "Trương",
      "SoGiayTo": "3918213",
      "LoaiGiayTo": 1,
      "NgaySinh": "1997-02-10T00:00:00",
      "GioiTinh": "Nam",
      "LoaiKhach": 0,
      "MaQuanHuyen": "TH",
      "MaPhuongXa": "P1",
      "DiaChi": "string",
      "MaQuocTich": "190",
      "MaCuaKhau": "000",
      "NgayNhapCanh": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
      "ThoiHanTamTru": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
      "LoaiThiThuc": 1,
      "SoThiThuc": "string",
      "NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
      "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
    }
  ]
}
```

```

    "TinhTrangLuuTru": 1,
    "ReturnCode": "000",
    "ReturnMessage": "success",
    "ReturnStatus": true
  }
],
"TreEm": [
  {
    "Id": 64762,
    "Ho": "Phùng",
    "Ten": "Quân",
    "NgaySinh": "2019-12-10T00:00:00",
    "GioiTinh": "Nam",
    "LoaiKhach": 0,
    "SoGiayToNguoiThan": "3918213",
    "ReturnCode": "000",
    "ReturnMessage": "success",
    "ReturnStatus": true
  }
]
}
}

```

3. Đặc tả Khai báo lưu trú khách đoàn

3.1 **Đường dẫn:** </api/v1/KhaiBaoLuuTruKhachDoan>

3.2 **Mô tả:** Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc khai báo khách đoàn từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

3.3 **Phương thức:** POST

3.4 **Tham số truyền vào:** JSON

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả

1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
2	MaDoan	M	String	20	Mã đoàn của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
3	ThongTinPhieu	M	Object	-	Thông tin phiếu đặt phòng.
3.1	NgayDen	M	String	50	Ngày khách đến tạo phiếu.
3.2	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày đi dự kiến của khách.
3.3	GiaPhongThucTe	O	Decimal	18	Giá phòng thực tế. Nếu không nhập sẽ lấy giá theo loại phòng trong hệ thống QLTTLT.
3.4	SoGiuongThucTe	O	Integer	-	Số giường thực tế khi thuê phòng. Nếu không nhập sẽ lấy theo loại giường trong hệ thống QLTTLT.
3.5	ThueTheoGio	M	Bool	1	Cho phép thuê theo giờ. Mặc định là “false”.
3.6	Ghichu	O	String	250	Ghi chú cho thông tin phiếu đặt phòng.
4	KhachHang	M	Object	-	Danh sách khách hàng.
4.1	Ho	M	String	25	Họ.
4.2	Ten	M	String	25	Tên.
4.3	SoGiayTo	M	String	15	Số giấy tờ của khách hàng.
4.4	LoaiGiayTo	M	Integer	15	Loại giấy tờ. Theo chuẩn của QLTTLT.
4.5	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của khách.

4.6	GioiTinh	M	String	10	Giới tính (Nam/ Nữ/ Khác).
4.7	LoaiKhach	M	Integer	15	Loại khách. Theo chuẩn của QLTTLT.
4.8	MaQuanHuyen	M	String	15	Mã quận huyện. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
4.9	MaPhuongXa	M	String	15	Mã phường xã. Bắt buộc nếu là khách trong nước
4.10	DiaChi	M	String	250	Địa chỉ khách hàng. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
4.11	MaQuocTich	M	String	15	Mã quốc tịch. Theo chuẩn quốc tế.
4.12	MaCuaKhau	M	String	15	Mã cửa khẩu. Theo chuẩn quốc tế. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
4.13	NgayNhapCanh	O	String	50	Ngày nhập cảnh. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
4.14	ThoiHanTamTru	O	String	50	Thời hạn lưu trú. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
4.15	LoaiThiThuc	M	Integer	15	Loại thị thực
4.16	SoThiThuc	M	String	15	Số thị thực
4.17	NgayGioDen	M	String	50	Ngày giờ đến
4.18	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày giờ đi dự kiến
4.19	TinhTrangLuuTru	M	Integer	15	Tình trạng lưu trú. [0: Không lưu trú, 1: Có lưu trú]. Mặc định là 1.
5	Treem	O	Object		Danh sách trẻ em đi cùng.

5.1	Ho	M	String	25	Họ
5.2	Ten	M	String	25	Tên
5.3	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của trẻ em.
5.4	GioiTinh	M	String	10	Giới tính. [Nam/ Nữ/ Khác]
5.5	LoaiKhach	M	String	15	Loại khách. Theo chuẩn của hệ thống QLTTTLT.
5.6	SoGiayToNguoiThan	M	String	15	Số giấy tờ người thân đi cùng.

Ghi chú:

- M: Mandatory (Bắt buộc)
- O: Optional (Không bắt buộc)
- **Trường hợp Status <> 000:** tham chiếu bảng mã trả lời để hiển thị kết quả.

3.5 Ví dụ dữ liệu gửi tới QLTTTLT

```
{
  "MaPhong": "A102",
  "MaDoan": "D831",
  "ThongTinPhieu": {
    "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
    "GiaPhongThucTe": 1250000,
    "SoGiuongThucTe": 1,
    "ThueTheoGio": false,
    "GhiChu": "string"
  },
  "KhachHang": [
    {
      "Ho": "Nguyễn",
      "Ten": "Trương",
      "SoGiayTo": "3918213",
      "LoaiGiayTo": 1,
      "NgaySinh": "02/10/1997",
```

```

    "GioiTinh": "Nam",
    "LoaiKhach": 0,
    "MaQuanHuyen": "TH",
    "MaPhuongXa": "P1",
    "DiaChi": "string",
    "MaQuocTich": "190",
    "MaCuaKhau": "000",
    "NgayNhapCanh": "",
    "ThoiHanTamTru": "",
    "LoaiThiThuc": 1,
    "SoThiThuc": "string",
    "NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
    "TinhTrangLuuTru": 1
  }
],
"TreEm": [
  {
    "Ho": "Phùng",
    "Ten": "Quân",
    "NgaySinh": "12/10/2019",
    "GioiTinh": "Nam",
    "LoaiKhach": 0,
    "SoGiayToNguoiThan": "3918213"
  }
]
}

```

3.6 Ví dụ dữ liệu trả về

```

{
  "Status": "000",
  "Message": "success",
  "Data": {
    "MaPhong": "A102",

```

```
"MaDoan": "D831",
"ThongTinPhieu": {
  "IDPhieu": 0,
  "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
  "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
  "GiaPhongThucTe": 1250000,
  "SoGiuongThucTe": 1,
  "ThueTheoGio": false,
  "GhiChu": "string"
},
"KhachHang": [
  {
    "Id": 4562812,
    "Ho": "Nguyễn",
    "Ten": "Trương",
    "SoGiayTo": "3918213",
    "LoaiGiayTo": 1,
    "NgaySinh": "1997-02-10T00:00:00",
    "GioiTinh": "Nam",
    "LoaiKhach": 0,
    "MaQuanHuyen": "TH",
    "MaPhuongXa": "P1",
    "DiaChi": "string",
    "MaQuocTich": "190",
    "MaCuaKhau": "000",
    "NgayNhapCanh": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
    "ThoiHanTamTru": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
    "LoaiThiThuc": 1,
    "SoThiThuc": "string",
    "NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
    "TinhTrangLuuTru": 1,
    "ReturnCode": "000",
```

```

    "ReturnMessage": "success",
    "ReturnStatus": true
  },
  "TreEm": [
    {
      "Id": 64762,
      "Ho": "Phùng",
      "Ten": "Quân",
      "NgàySinh": "2019-12-10T00:00:00",
      "GioiTinh": "Nam",
      "LoaiKhach": 0,
      "SoGiayToNguoiThan": "3918213",
      "ReturnCode": "000",
      "ReturnMessage": "success",
      "ReturnStatus": true
    }
  ]
}

```

4. Đặc tả Khai báo lưu trú theo danh sách phòng

4.1 **Đường dẫn:** </api/v1/KhaiBaoDanhSachPhongLuuTru>

4.2 **Mô tả:** Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc khai báo khách lưu trú theo danh sách phòng từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

4.3 **Phương thức:** POST

4.4 **Tham số truyền vào:** JSON

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
1	ThongTinPhieu	M	Object	-	Thông tin phiếu đặt phòng.

1.1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
1.2	MaDoan	M	String	20	Mã đoàn của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
1.3	NgayDen	M	String	50	Ngày khách đến tạo phiếu.
1.4	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày đi dự kiến của khách.
1.5	GiaPhongThucTe	O	Decimal	18	Giá phòng thực tế. Nếu không nhập sẽ lấy giá theo loại phòng trong hệ thống QLTTLT.
1.6	SoGiuongThucTe	O	Integer	-	Số giường thực tế khi thuê phòng. Nếu không nhập sẽ lấy theo loại giường trong hệ thống QLTTLT.
1.7	ThueTheoGio	M	Bool	1	Cho phép thuê theo giờ. Mặc định là “false”.
1.8	Ghichu	O	String	250	Ghi chú cho thông tin phiếu đặt phòng.
2	KhachHang	M	Object	-	Danh sách khách hàng.
2.1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng lưu trú của khách hàng
2.2	Ho	M	String	25	Họ.
2.3	Ten	M	String	25	Tên.
2.4	SoGiayTo	M	String	15	Số giấy tờ của khách hàng.
2.5	LoaiGiayTo	M	Integer	15	Loại giấy tờ. Theo chuẩn của QLTTLT.
2.6	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của khách.

2.7	GioiTinh	M	String	10	Giới tính (Nam/ Nữ/ Khác).
2.8	LoaiKhach	M	Integer	15	Loại khách. Theo chuẩn của QLTTLT.
2.9	MaQuanHuyen	M	String	15	Mã quận huyện. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
2.10	MaPhuongXa	M	String	15	Mã phường xã. Bắt buộc nếu là khách trong nước
2.11	DiaChi	M	String	250	Địa chỉ khách hàng. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
2.12	MaQuocTich	M	String	15	Mã quốc tịch. Theo chuẩn quốc tế.
2.13	MaCuaKhau	M	String	15	Mã cửa khẩu. Theo chuẩn quốc tế. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
2.14	NgayNhapCanh	O	String	50	Ngày nhập cảnh. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
2.15	ThoiHanTamTru	O	String	50	Thời hạn lưu trú. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
2.16	LoaiThiThuc	M	Integer	15	Loại thị thực
2.17	SoThiThuc	M	String	15	Số thị thực
2.18	NgayGioDen	M	String	50	Ngày giờ đến
2.19	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày giờ đi dự kiến
2.20	TinhTrangLuuTru	M	Integer	15	Tình trạng lưu trú. [0: Không lưu trú, 1: Có lưu trú]. Mặc định là 1.
3	Treem	O	Object		Danh sách trẻ em đi cùng.

3.1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng lưu trú của khách
3.2	Ho	M	String	25	Họ
3.3	Ten	M	String	25	Tên
3.4	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của trẻ em.
3.5	GioiTinh	M	String	10	Giới tính. [Nam/ Nữ/ Khác]
3.6	LoaiKhach	M	String	15	Loại khách. Theo chuẩn của hệ thống QLTTTLT.
3.7	SoGiayToNguoiThan	M	String	15	Số giấy tờ người thân đi cùng.

Ghi chú:

- M: Mandatory (Bắt buộc)
- O: Optional (Không bắt buộc)
- **Trường hợp Status <> 000:** tham chiếu bảng mã trả lời để hiển thị kết quả.

4.5 Ví dụ dữ liệu gửi tới QLTTTLT

```
{
  "ThongTinPhieu": {
    "MaPhong": "A102",
    "MaDoan": "D831",
    "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
    "GiaPhongThucTe": 1250000,
    "SoGiuongThucTe": 1,
    "ThueTheoGio": false,
    "GhiChu": "string"
  },
  "KhachHang": [
    {
      "MaPhong": "A102",
      "Ho": "Nguyễn",
      "Ten": "Trường",

```

```
"SoGiayTo": "3918213",
"LoaiGiayTo": 1,
"NgaySinh": "02/10/1997",
"GioiTinh": "Nam",
"LoaiKhach": 0,
"MaQuanHuyen": "TH",
"MaPhuongXa": "P1",
"DiaChi": "string",
"MaQuocTich": "190",
"MaCuaKhau": "000",
"NgayNhapCanh": "",
"ThoiHanTamTru": "",
"LoaiThiThuc": 1,
"SoThiThuc": "string",
"NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
"NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
"TinhTrangLuuTru": 1
}
],
"TreEm": [
{
"MaPhong": "A102",
"Ho": "Phùng",
"Ten": "Quân",
"NgaySinh": "12/10/2019",
"GioiTinh": "Nam",
"LoaiKhach": 0,
"SoGiayToNguoiThan": "3918213"
}
]
}
```

4.6 Ví dụ dữ liệu trả về

```
{
```

```
"Status": "000",  
  
"Message": "Đã ghi nhận dữ liệu",  
  
"Data": [  
  
  {  
  
    "status": "000",  
  
    "message": "success",  
  
    "items": {  
  
      "MaPhong": "A102",  
  
      "MaDoan": "0042944",  
  
      "ThongTinPhieu": {  
  
        "MaPhong": "A102",  
  
        "MaDoan": "0042944",  
  
        "IDPhieu": 0,  
  
        "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",  
  
        "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",  
  
        "GiaPhongThucTe": 1250000,  
  
        "SoGiuongThucTe": 1,  
  
        "ThueTheoGio": false,  
  
        "GhiChu": "string"  
  
      },  
  
      "KhachHang": [  
  
        {  
  
          "MaPhong": "A102",
```

```
"Id": 4562812,  
  
"Ho": "Nguyễn",  
  
"Ten": "Trường",  
  
"SoGiayTo": "3918213",  
  
"LoaiGiayTo": 1,  
  
"NgaySinh": "1997-02-10T00:00:00",  
  
"GioiTinh": "Nam",  
  
"LoaiKhach": 0,  
  
"MaQuanHuyen": "TH",  
  
"MaPhuongXa": "P1",  
  
"DiaChi": "string",  
  
"MaQuocTich": "190",  
  
"MaCuaKhau": "000",  
  
"NgayNhapCanh": "2020-02-03T08:14:23.25Z",  
  
"ThoiHanTamTru": "2020-02-06T08:14:23.25Z",  
  
"LoaiThiThuc": 1,  
  
"SoThiThuc": "string",  
  
"NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",  
  
"NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",  
  
"TinhTrangLuuTru": 1,  
  
"ReturnCode": "000",  
  
"ReturnMessage": "success",  
  
"ReturnStatus": true  
  
}  
  
],
```

```
"TreEm": [  
  
  {  
  
    "MaPhong": "A102",  
  
    "Id": 64750,  
  
    "Ho": "Phùng",  
  
    "Ten": "Quân",  
  
    "NgàySinh": "2019-12-10T00:00:00",  
  
    "GioiTinh": "Nam",  
  
    "LoaiKhach": 0,  
  
    "SoGiayToNguoiThan": "3918213",  
  
    "ReturnCode": "000",  
  
    "ReturnMessage": "success",  
  
    "ReturnStatus": true  
  
  }  
  
]  
  
}  
  
}  
  
]
```

5. Đặc tả Cập nhật phiếu đặt phòng

4.1 Đường dẫn: </api/v1/CapNhatPhieuDatPhong>

4.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc cập nhật phiếu đặt phòng từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

4.3 Phương thức: PUT

4.4 Tham số truyền vào: JSON

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
2	ThongTinPhieu	M	Object	-	Thông tin phiếu đặt phòng.
2.1	NgayDen	M	String	50	Ngày khách đến tạo phiếu.
2.2	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày đi dự kiến của khách.
2.3	GiaPhongThucTe	O	Decimal	18	Giá phòng thực tế. Nếu không nhập sẽ lấy giá theo loại phòng trong hệ thống QLTTLT.
2.4	SoGiuongThucTe	O	Integer	-	Số giường thực tế khi thuê phòng. Nếu không nhập sẽ lấy theo loại giường trong hệ thống QLTTLT.
2.5	ThueTheoGio	M	Bool	1	Cho phép thuê theo giờ. Mặc định là “false”.
2.6	Ghichu	O	String	250	Ghi chú cho thông tin phiếu đặt phòng.
3	KhachHang	M	Object	-	Danh sách khách hàng.
3.1	Ho	M	String	25	Họ.
3.2	Ten	M	String	25	Tên.
3.3	SoGiayTo	M	String	15	Số giấy tờ của khách hàng.
3.4	LoaiGiayTo	M	Integer	15	Loại giấy tờ. Theo chuẩn của QLTTLT.
3.5	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của khách.

3.6	GioiTinh	M	String	10	Giới tính (Nam/ Nữ/ Khác).
3.7	LoaiKhach	M	Integer	15	Loại khách. Theo chuẩn của QLTTLT.
3.8	MaQuanHuyen	M	String	15	Mã quận huyện. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.9	MaPhuongXa	M	String	15	Mã phường xã. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.10	DiaChi	M	String	250	Địa chỉ khách hàng. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.11	MaQuocTich	M	String	15	Mã quốc tịch. Theo chuẩn quốc tế.
3.12	MaCuaKhau	M	String	15	Mã cửa khẩu. Theo chuẩn quốc tế. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.13	NgayNhapCanh	O	String	50	Ngày nhập cảnh. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.14	ThoiHanTamTru	O	String	50	Thời hạn lưu trú. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.15	LoaiThiThuc	M	Integer	15	Loại thị thực
3.16	SoThiThuc	M	String	15	Số thị thực
3.17	NgayGioDen	M	String	50	Ngày giờ đến
3.18	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày giờ đi dự kiến
3.19	TinhTrangLuuTru	M	Integer	1	Tình trạng lưu trú. [0: Không lưu trú, 1: Có lưu trú]. Mặc định là 1.
4	Treem	O	Object		Danh sách trẻ em đi cùng.

4.1	Ho	M	String	25	Họ
4.2	Ten	M	String	25	Tên
4.3	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của trẻ em.
4.4	GioiTinh	M	String	10	Giới tính. [Nam/ Nữ/ Khác]
4.5	LoaiKhach	M	String	15	Loại khách. Theo chuẩn của hệ thống QLTTTLT.
4.6	SoGiayToNguoiThan	M	String	15	Số giấy tờ người thân đi cùng.

Ghi chú:

- M: Mandatory (Bắt buộc)
- O: Optional (Không bắt buộc)
- **Trường hợp Status <> 000:** tham chiếu bảng mã trả lời để hiển thị kết quả.

4.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTTLT

```
{
  "MaPhong": "A102",
  "ThongTinPhieu": {
    "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
    "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
    "GiaPhongThucTe": 1250000,
    "SoGiuongThucTe": 1,
    "ThueTheoGio": false,
    "GhiChu": "string"
  },
  "KhachHang": [
    {
      "Id": "4562812",
      "Ho": "Nguyễn",
      "Ten": "Trương",
      "SoGiayTo": "3918213",
      "LoaiGiayTo": 1,

```

```
"NgaySinh": "02/10/1997",
"GioiTinh": "Nam",
"LoaiKhach": 0,
"MaQuanHuyen": "TH",
"MaPhuongXa": "P1",
"DiaChi": "string",
"MaQuocTich": "190",
"MaCuaKhau": "000",
"NgayNhapCanh": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
"ThoiHanTamTru": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
"LoaiThiThuc": 1,
"SoThiThuc": "string",
"NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
"NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",
"TinhTrangLuuTru": 1
}
],
"TreEm": [
{
  "Id": "64750",
  "Ho": "Phùng",
  "Ten": "Quân",
  "NgaySinh": "12/10/2019",
  "GioiTinh": "Nam",
  "LoaiKhach": 0,
  "SoGiayToNguoiThan": "3918213"
}
]
}
```

4.6 Ví dụ dữ liệu trả về

```
{
  "Status": "000",
  "Message": "success",
  "Data": {
    "MaPhong": "A102",
    "MaDoan": "",
    "ThongTinPhieu": {
      "IDPhieu": 0,
      "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
      "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
      "GiaPhongThucTe": 1250000,
      "SoGiuongThucTe": 1,
      "ThueTheoGio": false,
      "GhiChu": "string"
    },
    "KhachHang": [
      {
        "Id": 4562812,
        "Ho": "Nguyễn",
        "Ten": "Trường",
        "SoGiayTo": "3918213",
        "LoaiGiayTo": 1,
        "NgaySinh": "1997-02-10T00:00:00",
        "GioiTinh": "Nam",
        "LoaiKhach": 0,
        "MaQuanHuyen": "TH",
        "MaPhuongXa": "P1",
        "DiaChi": "string",
        "MaQuocTich": "190",
```

```
"MaCuaKhau": "000",
"NgayNhapCanh": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
"ThoiHanTamTru": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
"LoaiThiThuc": 1,
"SoThiThuc": "string",
"NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.25Z",
"NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.25Z",
"TinhTrangLuuTru": 1,
"ReturnCode": "000",
"ReturnMessage": "success",
"ReturnStatus": true
}
],
"TreEm": [
{
  "Id": 64750,
  "Ho": "Phùng",
  "Ten": "Quân",
  "NgaySinh": "2019-12-10T00:00:00",
  "GioiTinh": "Nam",
  "LoaiKhach": 0,
  "SoGiayToNguoiThan": "3918213",
  "ReturnCode": "000",
  "ReturnMessage": "success",
  "ReturnStatus": true
}
]
}
}
```

6. Đặc tả Chuyển phòng

5.1 Đường dẫn: </api/v1/ChuyenPhong>

5.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc chuyển phòng từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

5.3 Phương thức: POST

5.4 Tham số truyền vào: JSON

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
1	MaPhongCu	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
	MaPhongMoi	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
	XoaPhieuCu	M	Bool	1	Cho phép xóa phiếu đặt phòng cũ hay không. Mặc định là "True".
2	ThongTinPhieu	O	Object	-	Thông tin phiếu đặt phòng.
2.1	NgayDen	M	String	50	Ngày khách đến tạo phiếu.
2.2	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày đi dự kiến của khách.
2.3	GiaPhongThucTe	O	Decimal	18	Giá phòng thực tế. Nếu không nhập sẽ lấy giá theo loại phòng trong hệ thống QLTTLT.
2.4	SoGiuongThucTe	O	Integer	-	Số giường thực tế khi thuê phòng. Nếu không nhập sẽ lấy theo loại giường

					trong hệ thống QLTTTLT.
2.5	ThueTheoGio	M	Bool	1	Cho phép thuê theo giờ. Mặc định là “false”.
2.6	Ghichu	O	String	250	Ghi chú cho thông tin phiếu đặt phòng.
3	KhachHang	O	Object	-	Danh sách khách hàng.
3.1	Ho	M	String	25	Họ.
3.2	Ten	M	String	25	Tên.
3.3	SoGiayTo	M	String	15	Số giấy tờ của khách hàng.
3.4	LoaiGiayTo	M	Integer	15	Loại giấy tờ. Theo chuẩn của QLTTTLT.
3.5	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của khách.
3.6	GioiTinh	M	String	10	Giới tính (Nam/ Nữ/ Khác).
3.7	LoaiKhach	M	Integer	15	Loại khách. Theo chuẩn của QLTTTLT.
3.8	MaQuanHuyen	M	String	15	Mã quận huyện. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.9	MaPhuongXa	M	String	15	Mã phường xã. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.10	DiaChi	M	String	250	Địa chỉ khách hàng. Bắt buộc nếu là khách trong nước.
3.11	MaQuocTich	M	String	15	Mã quốc tịch. Theo chuẩn quốc tế.
3.12	MaCuaKhau	M	String	15	Mã cửa khẩu. Theo chuẩn quốc tế. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.13	NgayNhapCanh	O	String	50	Ngày nhập cảnh. Áp dụng đối với khách

					việt kiều hoặc nước ngoài.
3.14	ThoiHanTamTru	O	String	50	Thời hạn lưu trú. Áp dụng đối với khách việt kiều hoặc nước ngoài.
3.15	LoaiThiThuc	M	Integer	15	Loại thị thực
3.16	SoThiThuc	M	String	15	Số thị thực
3.17	NgayGioDen	M	String	50	Ngày giờ đến
3.18	NgayDiDuKien	M	String	50	Ngày giờ đi dự kiến
3.19	TinhTrangLuuTru	M	Integer	1	Tình trạng lưu trú. [0: Không lưu trú, 1: Có lưu trú]. Mặc định là 1.
4	Treem	O	Object		Danh sách trẻ em đi cùng.
4.1	Ho	M	String	25	Họ
4.2	Ten	M	String	25	Tên
4.3	NgaySinh	M	String	50	Ngày sinh của trẻ em.
4.4	GioiTinh	M	String	10	Giới tính. [Nam/ Nữ/ Khác]
4.5	LoaiKhach	M	String	15	Loại khách. Theo chuẩn của hệ thống QLTTLT.
4.6	SoGiayToNguoiThan	M	String	15	Số giấy tờ người thân đi cùng.

5.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTLT

```
{
  "MaPhongCu": "A102",
  "MaPhongMoi": "A103",
  "XoaPhieuCu": false,
  "ThongTinPhieu": {
```



```
"NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",

"NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",

"GiaPhongThucTe": 1250000,

"SoGiuongThucTe": 1,

"ThueTheoGio": false,

"GhiChu": "string"

},

"KhachHang": [

{

  "Id": "4562812",

  "Ho": "Nguyễn",

  "Ten": "Trương",

  "SoGiayTo": "3918213",

  "LoaiGiayTo": 1,

  "NgaySinh": "02/10/1997",

  "GioiTinh": "Nam",

  "LoaiKhach": 0,

  "MaQuanHuyen": "TH",

  "MaPhuongXa": "P1",

  "DiaChi": "string",

  "MaQuocTich": "190",

  "MaCuaKhau": "000",

  "NgayNhapCanh": "2020-02-03T08:14:23.250Z",

  "ThoiHanTamTru": "2020-02-06T08:14:23.250Z",

  "LoaiThiThuc": 1,
```

```
"SoThiThuc": "string",

"NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",

"NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",

"TinhTrangLuuTru": 1

}

],

"TreEm": [

{

  "Id": "64750",

  "Ho": "Phùng",

  "Ten": "Quân",

  "NgaySinh": "12/10/2019",

  "GioiTinh": "Nam",

  "LoaiKhach": 0,

  "SoGiayToNguoiThan": "3918213"

}

]

}
```

5.6 Ví dụ dữ liệu trả về

```
{

  "Status": "000",

  "Message": "success",

  "Data": {

    "MaPhongCu": "A102",

    "MaPhongMoi": "A103",
```

```
"XoaPhieuCu": false,

"ThongTinPhieu": {

  "NgayDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",

  "NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",

  "GiaPhongThucTe": 1250000,

  "SoGiuongThucTe": 1,

  "ThueTheoGio": false,

  "GhiChu": "string"

},

"KhachHang": [

  {

    "Id": "4562812",

    "Ho": "Nguyễn",

    "Ten": "Trường",

    "SoGiayTo": "3918213",

    "LoaiGiayTo": 1,

    "NgaySinh": "02/10/1997",

    "GioiTinh": "Nam",

    "LoaiKhach": 0,

    "MaQuanHuyen": "TH",

    "MaPhuongXa": "P1",

    "DiaChi": "string",

    "MaQuocTich": "190",

    "MaCuaKhau": "000",

    "NgayNhapCanh": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
```

```
"ThoiHanTamTru": "2020-02-06T08:14:23.250Z",

"LoaiThiThuc": 1,

"SoThiThuc": "string",

"NgayGioDen": "2020-02-03T08:14:23.250Z",

"NgayDiDuKien": "2020-02-06T08:14:23.250Z",

"TinhTrangLuuTru": 1

}

],

"TreEm": [

{

  "Id": "64750",

  "Ho": "Phùng",

  "Ten": "Quân",

  "NgaySinh": "12/10/2019",

  "GioiTinh": "Nam",

  "LoaiKhach": 0,

  "SoGiayToNguoiThan": "3918213"

}

]

}

}
```

7. Đặc tả Xóa phiếu đặt phòng

6.1 **Đường dẫn:** </api/v1/XoaPhieuDatPhong/{maPhong}>

6.2 **Mô tả:** Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc xóa phiếu đặt phòng từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

6.3 **Phương thức:** DELETE

6.4 Tham số truyền vào: String

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.

8. Đặc tả Trả phòng khách lẻ

7.1 Đường dẫn: </api/v1/TraPhongKhachLe>

7.2 Mô tả: Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc trả phòng (checkout khách) từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

7.3 Phương thức: POST

7.4 Tham số truyền vào: JSON

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
2	NgayTraPhong	M	String	50	Ngày trả phòng
3	ChiTietTraPhong	M	Object	-	Thông tin chi tiết trả phòng.
3.1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
3.2	NgayLuuTru	M	String	50	Ngày lưu trú
3.3	GiaPhongThucTe	O	Decimal	18	Giá phòng thực tế. Nếu không nhập sẽ lấy giá theo loại

					phòng trong hệ thống QLTTTLT.
3.4	LyDoThayDoiGia	O	String	-	Lý do thay đổi giá.
4	GiaPhongTangGiam	O	Decimal	18	Giá phòng tăng giảm.
5	ChiPhiDichVu	O	Decimal	18	Chi phí dịch vụ
6	Ghichu	O	String	250	Ghi chú cho thông tin trả phòng.

7.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTTLT

```
{
  "MaPhong": "A102",
  "NgayTraPhong": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
  "ChiTietTraPhong": [
    {
      "MaPhong": "A102",
      "NgayLuuTru": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
      "GiaPhongThucTe": 1250000,
      "LyDoThayDoiGia": "string"
    }
  ],
  "GiaPhongTangGiam": 0,
  "ChiPhiDichVu": 120000,
  "Ghichu": "string"
}
```

7.6 Ví dụ dữ liệu trả về

```
{
  "Status": "000",
```

```

"Message": "success",

"Data": null

}

```

9. Đặc tả Trả phòng khách đoàn

8.1 **Đường dẫn:** </api/v1/TraPhongKhachLe>

8.2 **Mô tả:** Thiết lập cơ chế tự động thông qua API phục vụ việc trả phòng theo đoàn (checkout khách đoàn) từ phần mềm quản lý khách sạn vào phần mềm quản lý thông tin lưu trú.

8.3 **Phương thức:** POST

8.4 **Tham số truyền vào:** JSON

- Bảng Key & Value:

STT	Key	Value			
		Yêu cầu	Kiểu giá trị	Độ dài	Mô tả
1	MaDoan	M	String	20	Mã đoàn của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
2	NgayTraPhong	M	String	50	Ngày trả phòng
3	ChiTietTraPhong	M	Object	-	Thông tin chi tiết trả phòng.
3.1	MaPhong	M	String	20	Mã phòng của bên ĐVCNTT gửi qua, biến số này là duy nhất.
3.2	NgayLuuTru	M	String	50	Ngày lưu trú
3.3	GiaPhongThucTe	O	Decimal	18	Giá phòng thực tế. Nếu không nhập sẽ lấy giá theo loại phòng trong hệ thống QLTTLT.
3.4	LyDoThayDoiGia	O	String	-	Lý do thay đổi giá.

4	GiaPhongTangGiam	O	Decimal	18	Giá phòng tăng giảm.
5	ChiPhiDichVu	O	Decimal	18	Chi phí dịch vụ
6	Ghichu	O	String	250	Ghi chú cho thông tin trả phòng.

8.5 Ví dụ dữ liệu gửi qua QLTTLT

```
{
  "MaDoan": "D381",
  "NgayTraPhong": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
  "ChiTietTraPhong": [
    {
      "MaPhong": "A102",
      "NgayLuuTru": "2020-02-03T08:14:23.250Z",
      "GiaPhongThucTe": 1250000,
      "LyDoThayDoiGia": "string"
    }
  ],
  "GiaPhongTangGiam": 0,
  "ChiPhiDichVu": 120000,
  "Ghichu": "string"
}
```

8.6 Ví dụ dữ liệu trả về

```
{
  "Status": "000",
  "Message": "success",
  "Data": null
}
```


}

III. THÔNG TIN TEST THỬ NGHIỆM VÀ THAM CHIẾU

1. Thông số môi trường test tích hợp

- AccessToken:

EXFaZqteDuTel0-61rlumhWCO8UXog7D_TbrUdVx9uj7XWoL-Kbsj-
nWoWGWGC_Yhm9YwdmVasRwSaBXJh47aFrj-
AoC1LpQcETn1aS3qRvKlg6UHjJChY9drLUyZ9q5E5B_sTI5Ney90VuqDCJj4v65UHNzM2T
vd4pGkC0twu5Er83E3_quVy_-
iAKI1VUyMLiNrApcU54ltq8HqciE3WOTv2U0VoLb5hP49-
iltLoVbH5GNTCMnIFt0mV9cC5X3Ua9duH5rE2tOuhwUQ76i13OF25KH0AONyRH1qyNo
JfzDbgXzMu2OVq6-_aTw4HO

2. Bảng mã lỗi Response code (Status)

Mã lỗi	Chú thích
000	Thành công
001	Không thành công
002	Thiếu mã phòng
003	Thiếu phiếu đặt phòng
004	Thiếu danh sách khách hàng
005	Thiếu giấy tờ
006	Loại giấy tờ không đúng
007	Thiếu thông tin ngày đến
008	Thiếu thông tin ngày đi
009	Thiếu ngày nhập cảnh
010	Sai mã quốc tịch
011	Thiếu mã quốc tịch
012	Sai loại khách
013	Thiếu thông tin ngày sinh
015	Thiếu họ tên khách
016	Thiếu số giấy tờ người thân đi cùng
017	Mã phòng cũ và mã phòng mới trùng nhau
018	Thiếu mã phòng mới
019	Mã phòng mới không tồn tại
020	Thiếu mã phòng cũ

021	Mã phòng cũ không tồn tại
022	Không tìm thấy thông tin phiếu đặt phòng
023	Mã phòng không tồn tại
024	Chỉ được xóa các phiếu đặt phòng mới tạo trong ngày
025	Thiếu mã đoàn
026	Thiếu ngày trả phòng
027	Thiếu mã quận huyện
028	Thiếu mã phường xã
029	Thiếu mã cửa khẩu
097	Sai format dữ liệu
099	Lỗi xác thực access token khách sạn

3. Các thuật ngữ viết tắt trong tài liệu

STT	Thuật ngữ	Mô tả
1	QLTTLT	Phần mềm Quản lý thông tin lưu trú.
2	ĐVCNTT	Đơn vị khách sạn, phần mềm tích hợp API
3	URL	Đường dẫn liên kết